

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

- Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Địa chỉ: Số 32 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

- Phân viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Phú Nhuận, thành phố Huế

- Phân viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 61 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

- Website: vicas.org.vn

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu...)

- Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo 04 ngành:

+ Văn hóa học

Mã số: 9229040

+ Quản lý văn hóa

Mã số: 9229042

+ Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã số: 9210101

+ Lý luận và lịch sử sân khấu

Mã số: 9210221

- Tính đến thời điểm tháng 5/2024 Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam hiện có 70 Nghiên cứu sinh đang theo học.

- Kết quả đào tạo: Tính đến tháng 5/2024 Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam có 280 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp Viện.

- Địa điểm xét tuyển và đào tạo

+ Khu vực phía Bắc, tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, số 32 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

+ Khu vực phía Nam, tại Phân viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, số 61 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Những thông tin cần thiết khác

a) Ngoại ngữ dự tuyển (Phụ lục kèm theo)

b) Danh mục Ngành đúng, Ngành phù hợp (căn cứ danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022).

* Văn hóa học

+ Ngành đúng

- Văn hóa học

- Văn hóa dân gian

+ **Ngành phù hợp**

- *Nhóm ngành 82290*: Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử thế giới; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Khảo cổ học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn học so sánh; Quản lý văn hóa; Văn hóa so sánh.

- *Nhóm ngành 82101*: Lý luận và lịch sử mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình.

- *Nhóm ngành 82102*: Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Lý luận và lịch sử sân khấu; Nghệ thuật sân khấu; Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình.

- *Nhóm ngành 82104*: Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Mỹ thuật ứng dụng.

- *Nhóm ngành 82201*: Ngôn ngữ Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian.

- *Nhóm ngành 83102*: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế.

- *Nhóm ngành 83103*: Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Phát triển bền vững; Phát triển con người; Quyền con người;

- *Nhóm ngành 83106*: Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.

- *Nhóm ngành 88101*: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

* **Quản lý văn hóa**

+ **Ngành đúng**

- Quản lý văn hóa

+ **Ngành phù hợp**

- *Nhóm ngành 82290*: Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử thế giới; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Khảo cổ học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn học so sánh; Văn hoá học; Văn hoá dân gian; Văn hóa so sánh.

- *Nhóm ngành 82101*: Lý luận và lịch sử mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình.

- *Nhóm ngành 82102*: Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Lý luận và lịch sử sân khấu; Nghệ thuật sân khấu; Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình.

- *Nhóm ngành 82104*: Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Mỹ thuật ứng dụng.

- *Nhóm ngành 82201*: Ngôn ngữ Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian.

- *Nhóm ngành 83102*: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế.

- *Nhóm ngành 83103*: Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Phát triển bền vững; Phát triển con người; Quyền con người;

- *Nhóm ngành 83106*: Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Trung

Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.

- *Nhóm ngành 88101*: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Ngành Quản lý giáo dục, Quản lý kinh tế, Luật hiến pháp và luật hành chính, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế

Ứng viên dự thi ngành Quản lý văn hóa phải có kinh nghiệm 02 năm làm việc trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

*** Lý luận và lịch sử mỹ thuật**

+ Ngành đúng

Nhóm ngành 82101: Lý luận và lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật tạo hình

Nhóm ngành 82104: Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, Mỹ thuật ứng dụng.

+ Ngành phù hợp

- *Nhóm ngành 82290*: Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử thế giới; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Khảo cổ học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn học so sánh; Văn hoá học; Văn hoá dân gian; Văn hóa so sánh.

- *Nhóm ngành 82201*: Ngôn ngữ Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian.

- *Nhóm ngành 83102*: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế.

- *Nhóm ngành 83103*: Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Phát triển bền vững; Phát triển con người; Quyền con người;

- *Nhóm ngành 83106*: Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.

Ngành 8580101: Kiến trúc

Ngành 858103: Kiến trúc nội thất

Ngành 8580408: Thiết kế nội thất

*** Lý luận và lịch sử sân khấu**

+ Ngành đúng

- Lý luận và lịch sử sân khấu

+ Ngành phù hợp

- *Nhóm ngành 82102*: Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Nghệ thuật sân khấu; Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình.

- *Nhóm ngành 82290*: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử thế giới; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khảo cổ học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn học so sánh; Văn hóa học; Văn hóa dân gian; Quản lý văn hóa; Văn hóa so sánh.

Ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

** Các đối tượng dự thi thuộc chuyên ngành phù hợp, sau khi trúng tuyển sẽ*

phải học các chuyên đề bổ sung bắt buộc.

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- a) Có bằng thạc sĩ đúng ngành với ngành dự tuyển.
- b) Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và phải học các môn bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển.
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, đúng ngành và ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

2.2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh
1.	Văn hóa học	9229040	30
2.	Quản lý văn hóa	9229042	22
3.	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	9210101	20
4.	Lý luận và lịch sử sân khấu	9210221	13

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...

- a. Các định hướng nghiên cứu cơ bản
 - Các vấn đề lý luận và lịch sử văn hóa.
 - Các vấn đề lý luận và lịch sử nghệ thuật.
 - Các vấn đề về chính sách và quản lý văn hóa - nghệ thuật.
 - Các vấn đề về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.
 - Các vấn đề về văn hóa sinh thái và phát triển du lịch.
 - Các vấn đề về văn hóa gia đình.
 - Các vấn đề về văn hóa nước ngoài.
- b. Các vấn đề nghiên cứu ưu tiên
 - Xây dựng và phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
 - Tổng kết một số chính sách và mô hình phát triển văn hóa Việt Nam vì sự phát triển.
 - Nghiên cứu các tác động của quá trình toàn cầu hóa, mở cửa, hội nhập quốc tế vào sự biến đổi văn hóa.
 - Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch.
 - Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam.
 - Văn hóa biển đảo và vùng ven biển.
 - Văn hóa truyền thông
- c. Các đề tài/dự án nghiên cứu
 - Nghiên cứu chính sách văn hóa, kinh nghiệm về quản lý, phát triển văn hóa của một số nước trên thế giới và áp dụng vào điều kiện Việt Nam.
 - Nghiên cứu các vấn đề quản lý văn hóa trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật.
 - Nghiên cứu về việc bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống.
 - Phát triển khán giả cho các loại hình nghệ thuật kịch hát dân tộc Việt Nam.
 - Sự phát triển nghệ thuật công cộng và nghệ thuật đương đại tại Việt Nam.
 - Phong trào Gia đình văn hóa gắn với việc xây dựng văn hóa gia đình trong

giai đoạn hiện nay.

- Vai trò của văn hóa trong phong trào xây dựng nông thôn mới.
- Tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống hiện nay.
- Nghiên cứu các mô hình bảo tồn di sản bền vững.
- Những vấn đề văn hóa miền Trung.
- Văn hóa các cộng đồng dân cư dọc sông Cửu Long.
- Nghiên cứu so sánh văn hóa - nghệ thuật các dân tộc vùng biên giới.

2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

Số lần tuyển sinh trong năm: tổ chức một hoặc nhiều lần tuyển sinh hàng năm.

2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

a. Ứng viên được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

- + Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.
- + Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.
- + Người thuộc dân tộc thiểu số.
- + Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên tại các khu vực vùng cao, miền núi, hải đảo, vùng sâu, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký thi. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng cao, miền núi do Ủy ban Dân tộc và Miền núi xét công nhận. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc hải đảo, vùng sâu do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp.
- + Người được giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ cấp quốc gia trở lên.

b. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính: thực hiện theo quyết định số 148/QĐ-VHNTVN ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam về việc thu học phí đào tạo Tiến sĩ từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027.

Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành II: Nghệ thuật			
1.200.000đ x 10 tháng x 2.5 = 30.000.000đ	1.350.000đ x 10 tháng x 2.5 = 33.750.000đ	1.520.000đ x 10 tháng x 2.5 = 38.000.000đ	1.710.000đ x 10 tháng x 2.5 = 42.750.000đ
Khối ngành VII: Nhân văn			
1.200.000đ x 10 tháng x 2.5 = 30.000.000đ	1.500.000đ x 10 tháng x 2.5 = 37.500.000đ	1.690.000đ x 10 tháng x 2.5 = 42.250.000đ	1.910.000đ x 10 tháng x 2.5 = 47.750.000đ

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Thư viện: Giới thiệu, mô tả về nguồn tài liệu chuyên môn phục vụ ngành đào tạo, chia ra:

- Về sách, đầu báo, tạp chí: gần 10.000 bản
- b) Phòng làm việc

Hiện nay Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia VN có 3 cơ sở:

- Trụ sở chính tại Hà Nội ở 32 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế đóng tại số 6 Nguyễn Lương Bằng, TP Huế.

- Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh đóng tại 61 Mạc Đĩnh Chi.

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học (GS, PGS)	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia chủ trì ngành đào tạo
1.	Từ Thị Loan	GS	TS	Văn hóa học	Văn hóa học
2.	Bùi Quang Thanh	GS	TS	Văn học dân gian	
3.	Phạm Lan Oanh	PGS	TS	Văn hóa dân gian	
4.	Phan Mạnh Dương		TS		
5.	Nguyễn Thị Tâm Hạnh		TS	Văn hóa học	
6.	Đinh Văn Hạnh		TS	Dân tộc học	
7.	Nguyễn Thăng Long		TS	Văn hóa học	
8.	Nguyễn Thị Thu Phương	PGS	TS	Quản lý văn hóa	
9.	Nguyễn Thị Phụng		TS	Văn hóa học	
10.	Trần Thị Thủy		TS	Văn hóa dân gian	
11.	Nguyễn Đức Toàn		TS	Văn hóa học	
12.	Vũ Anh Tú		TS	Văn hóa dân gian	
13.	Vũ Diệu Trung		TS	Văn hóa học	
14.	Nguyễn Văn Cương	PGS	TS	Văn hóa học	Quản lý văn hóa
15.	Nguyễn Thị Thu Phương	PGS	TS	Quản lý văn hóa	
16.	Bùi Hoài Sơn	PGS	TS	Quản lý văn hóa	
17.	Đỗ Thị Thanh Thủy	PGS	TS	Quản lý văn hóa	
18.	Hoàng Thị Bình		TS	Quản lý văn hóa	
19.	Nguyễn Thị Thu Hà		TS	Quản lý văn hóa	
20.	Nguyễn Thị Tâm Hạnh		TS	Văn hóa học	
21.	Đinh Văn Hạnh		TS	Dân tộc học	
22.	Nguyễn Thị Thanh Hoa		TS	Văn hóa học	
23.	Nguyễn Quốc Hùng	PGS	TS	Lịch sử	
24.	Nguyễn Văn Lưu		TS	Du lịch	
25.	Phạm Thị Khánh Ngân		TS	Quản lý văn hóa	
26.	Nguyễn Thị Hồng Nhung		TS	Quản lý văn hóa	

27.	Trần Thị Minh Thu		TS	Văn hóa học	
28.	Nguyễn Văn Tình		TS	Quản lý văn hóa	
29.	Vũ Anh Tú		TS	Văn hóa dân gian	
30.	Vũ Diệu Trung		TS	Văn hóa học	
31.	Trương Quốc Bình	GS	TS	Mỹ thuật, Quản lý văn hóa	Lý luận và lịch sử mỹ thuật
32.	Trần Lâm Biền	PGS	TS	Lịch sử Văn hóa và Nghệ thuật	
33.	Nguyễn Văn Cương	PGS	TS	Văn hóa học	
34.	Nguyễn Quốc Hùng	PGS	TS	Lịch sử	
35.	Đoàn Thị Mỹ Hương	PGS	TS	Mỹ thuật	
36.	Bùi Thị Thanh Mai	PGS	TS	Mỹ thuật	
37.	Nguyễn Thị Thu Hà		TS	Quản lý văn hóa	
38.	Phạm Thị Hà		TS	Lý luận và lịch sử sân khấu	
39.	Đinh Văn Hạnh		TS	Dân tộc học	
40.	Trần Đình Hằng		TS	Văn hóa học	
41.	Mai Thị Thùy Hương		TS	Quản lý giáo dục	
42.	Nguyễn Minh Khang		TS	Khảo cổ học	
43.	Bùi Hoài Sơn	PGS	TS	Quản lý văn hóa	
44.	Lê Anh Tuấn		TS	Văn hóa học	
45.	Đào Mạnh Hùng	GS	TS	Nghệ thuật sân khấu	Lý luận và lịch sử sân khấu
46.	Nguyễn Thị Thu Hà		TS	Quản lý văn hóa	
47.	Phạm Thị Hà		TS	Lý luận và lịch sử sân khấu	
48.	Võ Thị Hoàng Lan		TS	Văn hóa dân gian	
49.	Trần Thị Minh Thu		TS	Văn hóa học	
50.	Nguyễn Đức Toàn		TS	Văn hóa học	
51.	Vũ Diệu Trung		TS	Văn hóa học	

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

a) Hội nghị, hội thảo khoa học ngành trong và ngoài nước

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức
1.	Hội thảo khoa học <i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc Dao trong mối quan hệ với phát triển du lịch bền vững</i> thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2022 - 2023 <i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc Dao trong mối quan hệ với phát triển du lịch bền vững</i>	05/01/2023 tại Hà Nội	
2.	Hội thảo khoa học cấp quốc gia 80	27/02/2023 tại Hà Nội	- Phối hợp với các đơn

	<i>năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943 - 2023) - Khởi nguồn và động lực phát triển</i>		vị thuộc Bộ VHTTDL - Hội đồng Lý luận Trung ương - Ban Tuyên giáo Trung ương Học viện chính trị quốc gia HCM
3.	Hội thảo khoa học <i>Xây dựng môi trường văn hóa trên mạng Internet - Những vấn đề lý luận và thực tiễn</i> thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2022 - 2023 <i>Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa trên mạng Internet</i>	10/3/2023 tại Hà Nội	
4.	Hội thảo khoa học: <i>Định hướng phương pháp, nguyên tắc thiết kế Địa chỉ nghệ thuật trên thế giới và Việt Nam</i> thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt cấp quốc gia <i>Xây dựng Bộ Địa Chỉ Quốc gia Việt Nam</i> , nhiệm vụ thành phần: <i>Nghiên cứu và xây dựng Bộ Địa chỉ Quốc gia Việt Nam: Tập Nghệ thuật</i>	18/3/2023 tại Hà Nội	
5.	Diễn đàn văn hóa: <i>Văn hóa các dân tộc Việt Nam - Nguồn lực phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc</i>	15/4/2023 tại Hà Nội	Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam
6.	Hội thảo quốc tế <i>Tham vấn xây dựng hồ sơ thành phố Đà Lạt gia nhập mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO</i>	08/6/2023 tại Đà Lạt	UBND Thành phố Đà Lạt, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng
7.	Hội thảo khoa học <i>Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO và khả năng chuyển hóa nguồn tài nguyên văn hóa ở Huế</i>	22/9/2023 tại Thừa Thiên Huế	Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế
8.	Hội thảo khoa học <i>Bảo tồn và phát huy không gian lễ hội Tịch điền - Đới Sơn gắn với phát triển du lịch Quốc gia</i>	28/12/2023 tại Hà Nam	UBND Thị xã Duy Tiên

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong nước

STT	Chương trình, dự án	Thời điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa tại các thiết chế văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	2021 - 2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.	Nghiên cứu, xây dựng môi	2021 -	Viện Văn hóa Nghệ	

	trường văn hóa gia đình ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	2023	thuật quốc gia Việt Nam	
3.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp	2021 - 2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
4.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa trong cơ sở đào tạo giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước	2021 - 2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
5.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa công sở đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước	2021 -2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
6.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa nơi công cộng	2021 - 2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
7.	Nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể liên quan tới nữ tướng thời Hai Bà Trưng ở Bắc Bộ	2021 -2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
8.	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa trên mạng Internet	2022-2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
9.	Một số vấn đề lý luận về hệ sinh thái văn hóa và bài học cho Việt Nam	2023 -2024	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
10.	Phát triển du lịch đường sông tại Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2023 -2024	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
11.	Phát huy nguồn tư liệu lịch sử trong sáng tác truyện tranh Việt Nam từ năm 2000 đến nay (thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
12.	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất mô hình liên	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	

	kết, hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức triển khai thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Đồng bằng sông Hồng (thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)		Nam	
13.	Nghiên cứu đánh giá và đề xuất mô hình hợp tác công - tư trong hoạt động văn hoá - sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội (thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
14.	Nghiên cứu phát triển nghệ thuật biểu diễn truyền thống gắn với các không gian văn hoá sáng tạo ở Hà Nội (trường hợp ca trù) (thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
15.	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phục hồi, phát huy giá trị một số làng nghề thủ công truyền thống ở phố cổ Bao Vinh phục vụ phát triển du lịch làng nghề của Thành phố Huế (thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	
16.	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của người Chăm với việc nâng cao sinh kế (Trường hợp người Chăm ở tỉnh An Giang) (thuộc Nhiệm vụ thường	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	

	xuyên theo chức năng năm 2023)			
17.	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc Dao trong mối quan hệ với phát triển du lịch bền vững(thuộc Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023)	2022-2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	

c) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài:

STT	Chương trình, dự án	Thời điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.	Củng cố việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam (SIPE)	2021-2023	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Hội đồng Anh Việt Nam, Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
2.	Dự án di sản kết nối giai đoạn 3	2022-2023	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam	Hội đồng Anh Việt Nam
3.	Dự án Từ hậu trường tới tương lai	2022 - 2023	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam Hội đồng Anh Việt Nam Đoàn trường Đại học quốc gia Hà Nội	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam
4.	Xây dựng hồ sơ thành phố Đà Lạt gia nhập mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO và tổ chức Hội thảo quốc tế “Tham vấn xây dựng hồ sơ thành phố Đà Lạt gia nhập mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và UBND thành phố Đà Lạt, và Sở VHTTDL tỉnh Lâm Đồng	Hội đồng Anh
5.	Tổ chức triển lãm “Vẽ con Mèo”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Tired City	Trung tâm hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu
6.	Tổ chức Tuần lễ Thiết kế Việt Nam năm 2023 với Vietnam Design group và tổ chức hội thảo” Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp văn hóa và sáng tạo”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Cục Bản quyền tác giả và Vietnam Design group	
7.	Ký kết biên bản hợp tác ghi nhớ đa phương Lan Thương – Mekong	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Trung tâm	

			Truyền thông Quốc tế khu vực Nam Á, Đông Nam Á, tỉnh Vân Nam	
8.	Tham gia hội thảo quốc tế trực tuyến Kết quả triển khai thí điểm Bộ chỉ số văn hóa 2030	2023	UNESCO	
9.	Chương trình Xưởng thực hành nghệ thuật: “DỰ ÁN NGHỆ THUẬT VỚI NGHỆ SĨ YANDI MONARDO”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và ĐSQ Uruguay tại Việt Nam	
10.	Tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: “Các ngành công nghiệp văn hoá và sáng tạo trong phát triển bền vững: Một số góc nhìn và cách tiếp cận”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và trường Đại học Nam Úc	
11.	Chương trình “Giới thiệu di sản văn hóa” nằm trong Dự án Kết nối di sản giai đoạn 3	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Hội Đồng Anh	Cục Di sản văn hóa
12.	Tổ chức Liên hoan Sáng tạo và Thiết kế Việt Nam 2023	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, RMIT Việt Nam và UNESCO	
13.	Tổ chức Hội thảo quốc tế “Quá trình hiện đại hóa ở Huế và miền Trung Việt Nam thời Pháp thuộc”	2023	Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Trung tâm Viện Văn hóa Huế, Viện Đông Á (IAO)	
14.	Dự án Dây/đó - cộng tác về thủ công và thiết kế giữa Việt Nam và Úc	2023	Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Đại học RMIT Việt Nam	RMIT Australia

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Phương

PHỤ LỤC
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên*
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

* Không chấp nhận chứng chỉ thi theo hình thức Home Edition cấp sau ngày 10/9/2022